

Ngày 31/03/2024	80,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.1%	5.1%	-11.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	73,912 - 91,667
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	184,199
Số lượng CPLH (CP)	2,296,739,847
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,499,785
Sở hữu nước ngoài	2.7%
Beta	0.94
EPS	4,688
P/E	17.1

DT thuần
Q1/24

23,315
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 744 | 3.3%
YoY: ▲ 2,101 | 9.9%

LN trước thuế
Q1/24

3,171
tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 194 | -5.8%
YoY: ▼ 1,096 | -25.7%

LN sau thuế
Q1/24

2,544
tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 232 | -8.4%
YoY: ▼ 873 | -25.6%

ROA
2023

13.6%

+/- YoY: ▼ 4.7%

DT thuần
2023

89,954
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 10,770 | -10.7%

LN trước thuế
2023

14,640
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 4,166 | -22.2%

LN sau thuế
2023

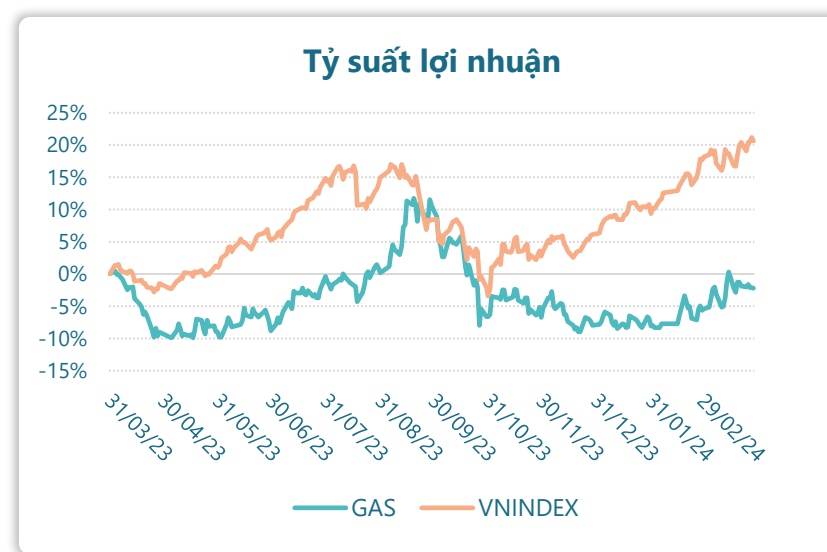
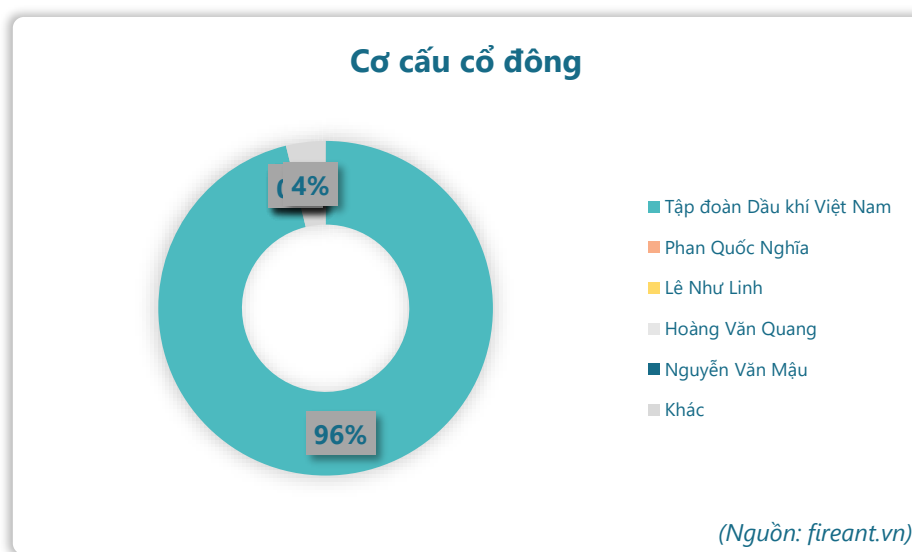
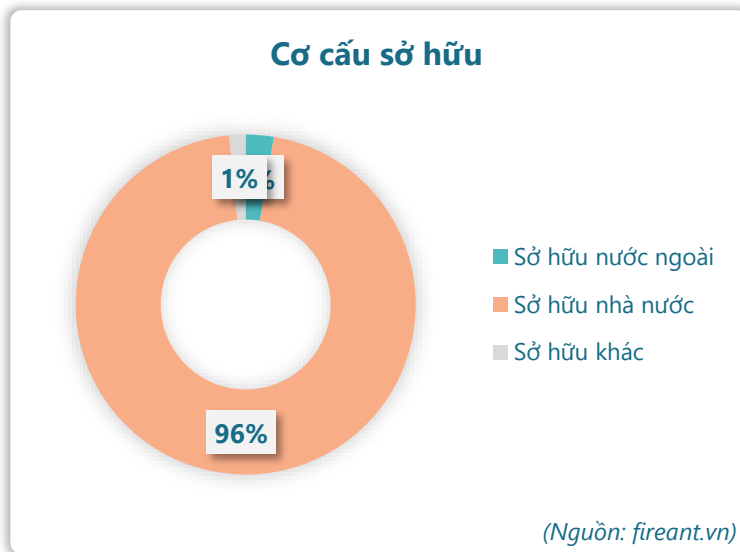
11,793
tỷ VNĐ

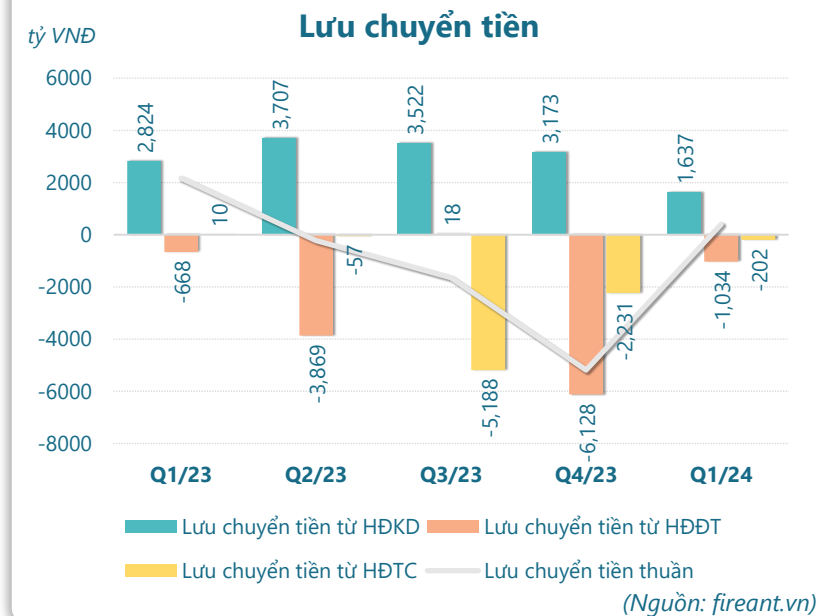
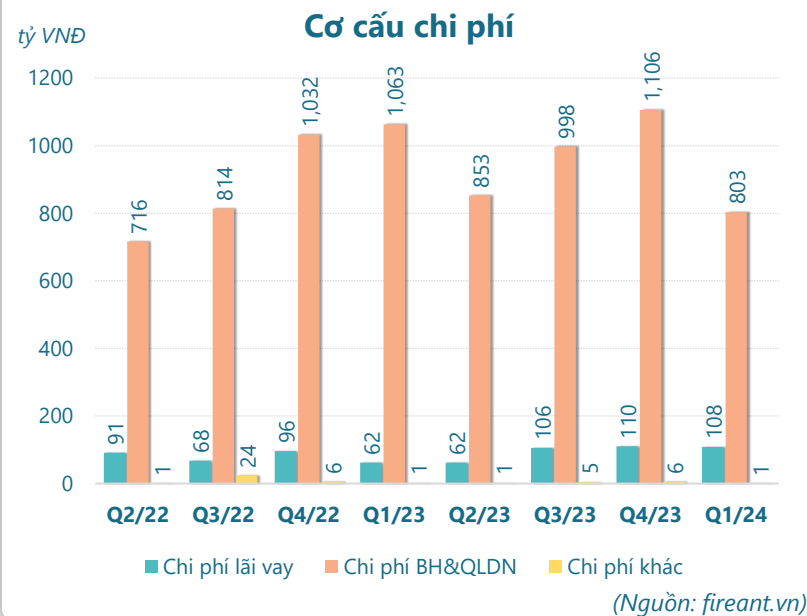
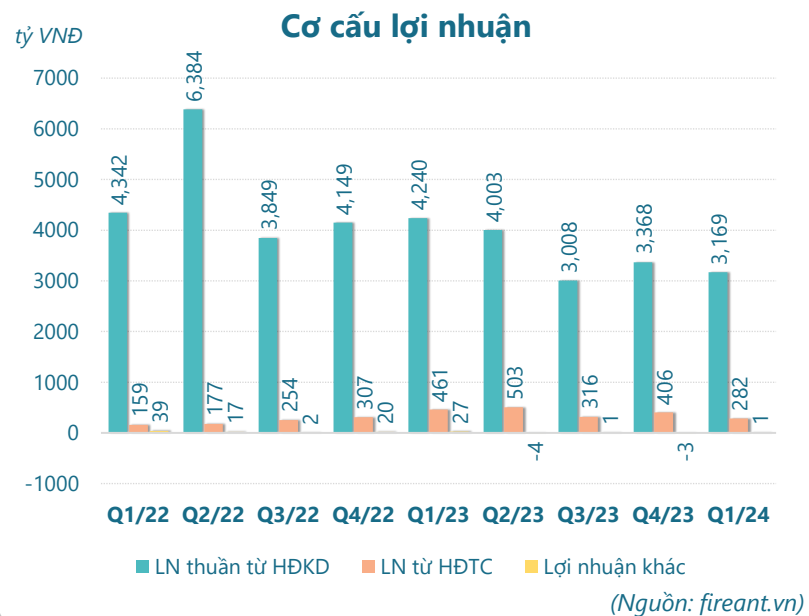
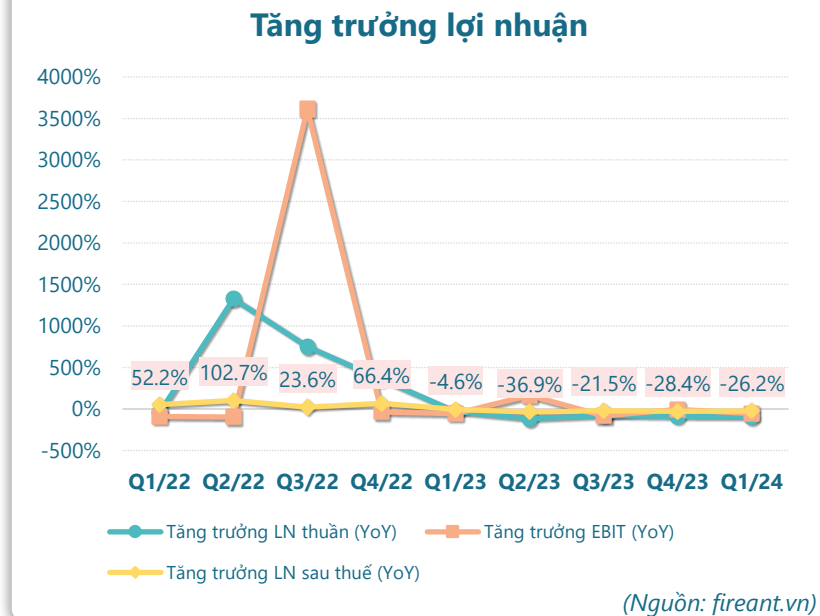
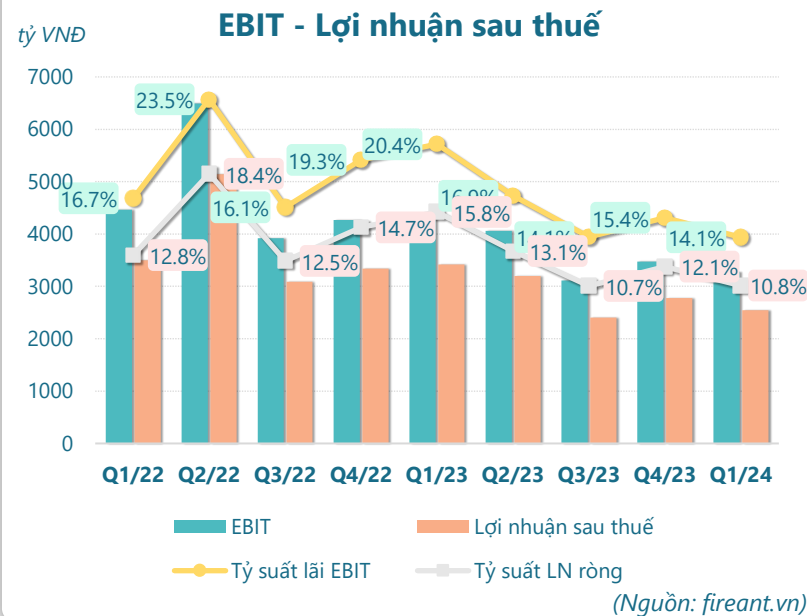
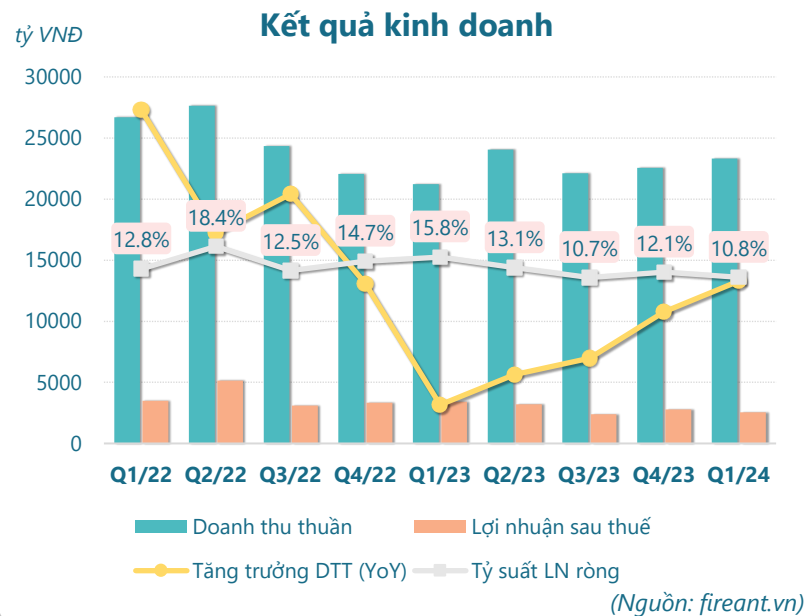
YoY: ▼ 3,273 | -21.7%

ROE
2023

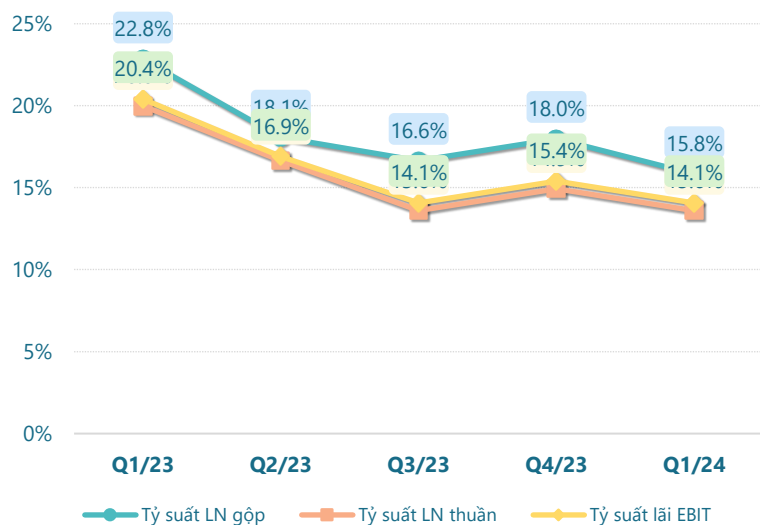
18.4%

+/- YoY: ▼ 7.8%



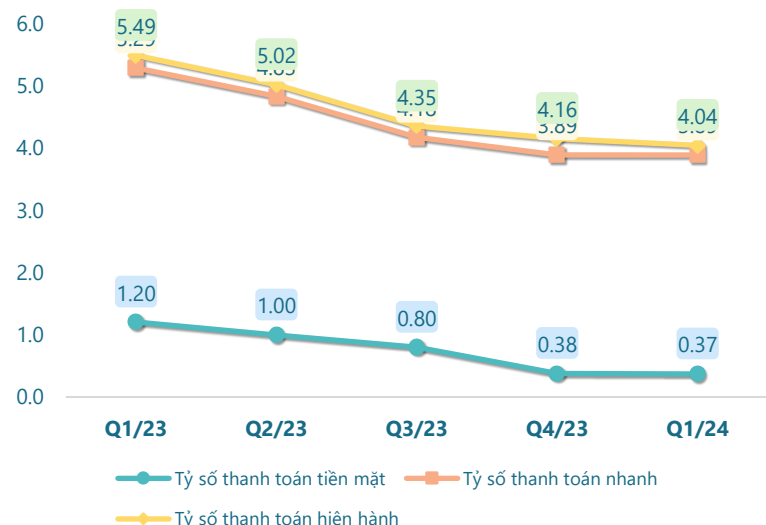


Tỷ suất lợi nhuận



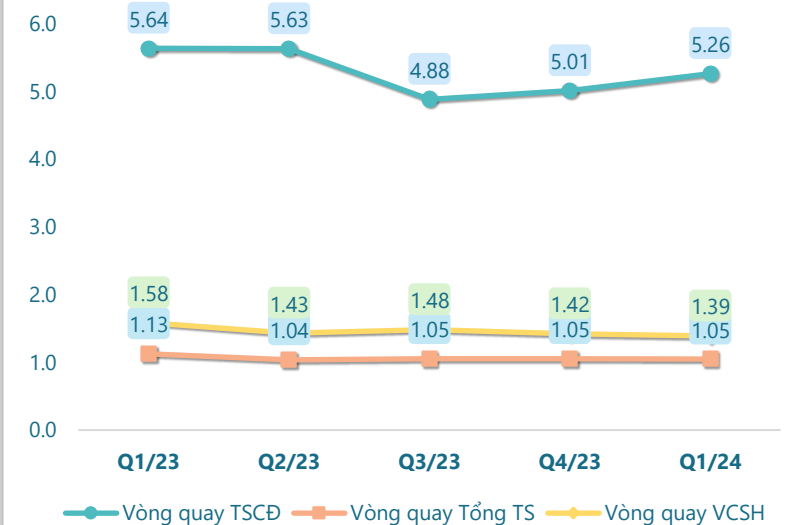
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



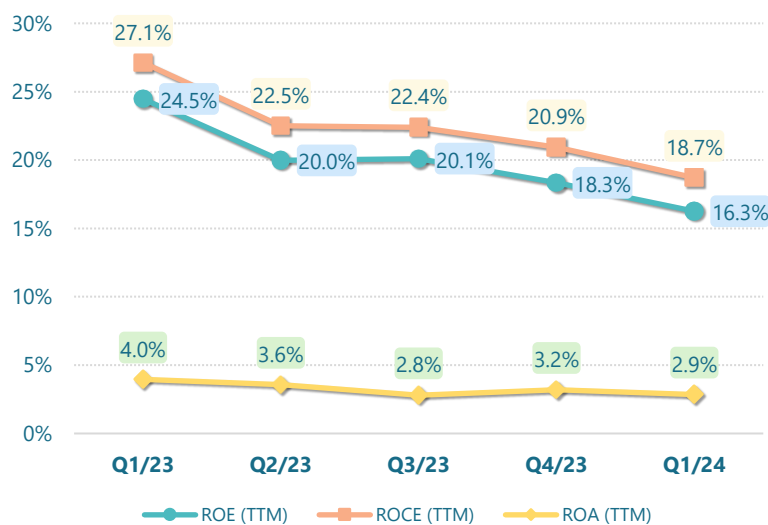
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



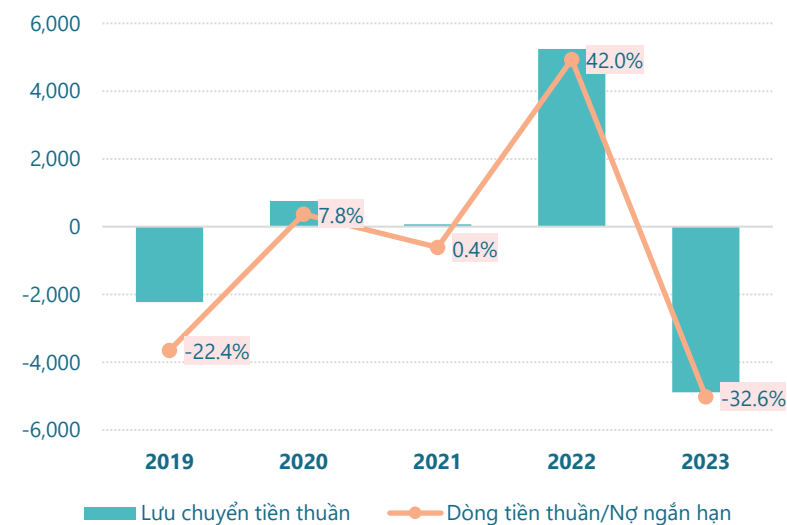
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



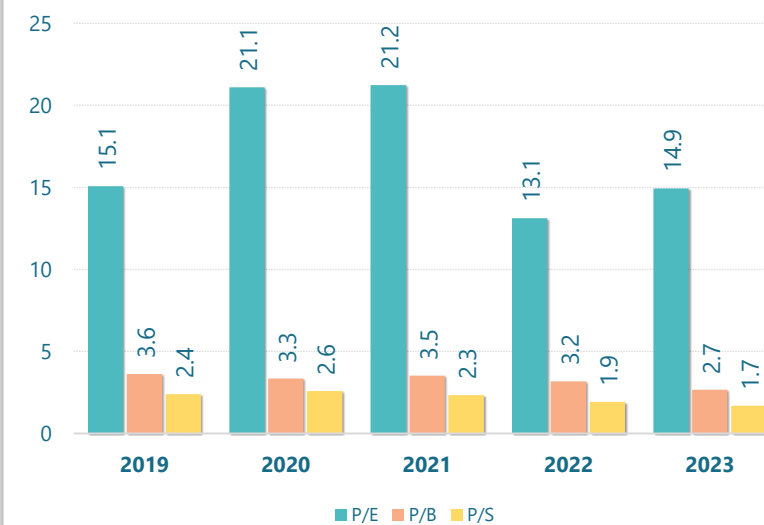
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)